

Số: /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất
nạo vét từ các hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

*Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 15
Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;*

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số
48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về
quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về
quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy
nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ
tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi
quản lý của Bộ Xây dựng;*

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1231/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ các hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ các hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến việc xác định, quản lý, sử dụng khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ các hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Điều kiện xác định khu vực, địa điểm tiếp nhận vật chất nạo vét trên bờ

1. Phải đảm bảo diện tích có thể tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần vật chất nạo vét của công trình, dự án phát sinh trong hoạt động nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển. Trường hợp sử dụng khu đất hợp pháp của tổ chức, cá nhân, phải có văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Phải được đánh giá, xác định có mục đích sử dụng đất phù hợp để tiếp nhận vật chất nạo vét; có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp, không làm cản trở dòng chảy và thoát lũ, không nằm ở vị trí đầu nguồn nước; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh, trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa và các quy định pháp luật liên quan.

3. Phải có bờ bao hoặc tường chắn bảo đảm về chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực tiếp nhận; xung quanh khu vực phải có hệ thống lắng, thoát nước để bảo đảm chất nạo vét không tác động xấu đến môi trường.

Điều 4. Điều kiện xác định khu vực, địa điểm nhận chìm vật chất nạo vét ở biển

1. Bảo đảm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 49 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ.

2. Bảo đảm quy định kỹ thuật xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển tại Chương III Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT.

Điều 5. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét

1. Khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 91 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026).

2. Trình tự, thủ tục chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026).

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ và nhận chìm ở biển bao gồm các khu vực, địa điểm do tổ chức, cá nhân đề xuất đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét trên bờ và nhận chìm ở biển để tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố mới hoặc bổ sung, điều chỉnh danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ và nhận chìm ở biển theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

b) Chủ trì hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về môi trường, tài nguyên, khoáng sản liên quan đến hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa; hướng dẫn trình tự, thủ tục và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bản xác nhận đăng ký khối lượng sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ sở hữu các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại vị trí tiếp nhận chất nạo vét.

d) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động đổ chất nạo vét theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Hằng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lập mới hoặc sửa đổi, bổ sung, công bố danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện thu gom, vận chuyển chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện quản lý thi công nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa; công tác thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện công tác nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa được giao quản lý trên địa bàn tỉnh từ ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện Quyết định này theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

4. Công an tỉnh

Bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định đối với khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm an ninh, trật tự theo quy định.

5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên biển; bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong khu vực biên giới biển theo quy định của pháp luật; giám sát, duy trì và xử lý các hành vi vi phạm các quy định khu vực hạn chế hoạt động, khu vực cấm trong khu vực biên giới, vùng cấm tạm thời, vùng hạn chế hoạt động trong nội thủy, lãnh hải quy định tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa

a) Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của chủ đầu tư trước khi tiến hành hoạt động nạo vét theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xác định vị trí, khu vực đổ thải, nhận chìm chất nạo vét thuộc phạm vi quản lý.

c) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải trên địa bàn theo quy định.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xác định vị trí, khu vực đổ thải, nhận chìm để phục vụ các dự án cảng biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tạo động lực phát triển trong Khu kinh tế Nghi Sơn theo Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1024/QĐ-BXD ngày 04/7/2025.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật có liên quan về quản lý hoạt động nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển tại Quyết định này và các quy định của pháp luật về đường thủy nội địa, hàng hải, bảo vệ môi trường, tài nguyên và khoáng sản.

b) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn chấp hành các quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện và phối hợp các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định hiện hành.

c) Phối hợp quản lý, giám sát địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

d) Giám sát việc quản lý, sử dụng chất nạo vét sau khi hoàn tất việc tiếp nhận chất nạo vét đối với các trường hợp tiếp nhận chất nạo vét tại các khu đất do UBND cấp xã quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có nhu cầu đổ thải, nhận chìm

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đổ thải, nhận chìm gửi văn bản đến UBND tỉnh để được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm về tính chất, thành phần của chất nạo vét theo quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan, bảo đảm sự phù hợp với mục đích sử dụng đất tại khu vực tiếp nhận chất nạo vét.

3. Thực hiện đổ thải, nhận chìm đúng phạm vi, vị trí, khối lượng được cấp phép; chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động thu gom, vận chuyển vật chất nạo vét, không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, giao thông, nuôi trồng thủy sản; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố, vi phạm pháp luật trong hoạt động đổ thải vật chất nạo vét theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét

1. Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi hồ sơ đề nghị tiếp nhận chất nạo vét đến UBND tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026).

2. Phối hợp với các chủ dự án đổ chất nạo vét thực hiện chương trình quan trắc môi trường sau khi tiếp nhận chất nạo vét của các dự án theo thủ tục môi trường được duyệt.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định số: 47/2022/QĐ-UBND ngày 27/9/2022; 02/2023/QĐ-UBND ngày 06/02/2023; 39/2023/QĐ-UBND ngày 28/9/2023; 01/2024/QĐ-UBND ngày 10/01/2024; 53/2024/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; 41/2025/QĐ-UBND ngày 01/5/2025; 42/2025/QĐ-UBND ngày 05/5/2025; 93/2025/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ các hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3. Đối với các vị trí đã được UBND tỉnh quyết định bổ sung vào các Phụ lục kèm theo Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Chủ đầu tư được tiếp tục triển khai theo đúng tiến độ và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tô Anh Dũng